

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST.

Ngày: 27.10.2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** ông P. L. L .

**- *Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông: N. T. Đ;

2. Bà: H. T. T. M;

**- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** bà N. T. T. T – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B.

**- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa:***  
Ông P. X. D – Kiểm sát viên.

Ngày 27.10.2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2021/TLST-HS, ngày 27 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01 ngày 12.10.2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: N. H. N. T, tên gọi khác: Không, Giới tính: Nam; Sinh ngày: 22/11/1990 tại: tỉnh B; Nơi cư trú: thôn C, xã N, huyện A, tỉnh B; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Con ông: N. H. N, SN: 1968 và bà: L. T. T, SN: 1969; Vợ, Con: Không; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26.6.2021 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- *Người bị hại:*** Chị N. T. T, SN: 1973;

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện A, tỉnh B.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào khoảng tháng 3.2021, N. H. N. T quen biết và có quan hệ yêu đương với N. T. T. Trong thời gian quen biết, N.H.N.T nói dối mình tên là Tâm-kỹ sư

xây dựng quê ở tỉnh Kon Tum và nhiều lần mượn chị N.T.T số tiền 15.000.000 đồng. Ngày 23.6.2021, N.H.N.T nhắn tin hỏi mượn tiền nhưng chị N.T.T không cho mượn. Lúc này, N.H.N.T tự xưng là em của Tâm và sử dụng các đoạn video và hình ảnh nhạy cảm do chị N.T.T tự quay lúc tắm gửi qua mạng xã hội Zalo cho N.H.N.T để nhắn tin hăm dọa chị N.T.T phải đưa tiền nếu không sẽ phát tán các đoạn video và hình ảnh nhạy cảm đó lên mạng xã hội để mọi người xem. Do lo sợ bị phát tán, chị N.T.T đã nhờ cháu họ là N.T.T.Đ ở cùng thôn chuyển số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0441000781795 mang tên N.H.N.T. Đến ngày 26/6/2021, N.H.N.T tiếp tục nhắn tin đe dọa chị N.T.T với nội dung như trên, yêu cầu chị N.T.T mang theo 3.000.000 đồng đến giao cho N.H.N.T tại nhà nghỉ Gia Lâm 2 ở đường A, phường Y, thị xã E. Do lo sợ N.H.N.T sẽ tiếp tục nhắn tin đe dọa tổng tiền, chị N.T.T làm đơn trình báo đến Công an huyện A. Cơ quan CSĐT Công an huyện A đã phối hợp với Công an thị xã E bắt quả tang khi N.H.N.T nhận số tiền 3.000.000 đồng và một USB hiệu Paraday màu đen không chứa dữ liệu.

Qua kiểm tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện A đã sao ra USB 03 hình ảnh và 05 đoạn video của chị N.T.T trong điện thoại của N.H.N.T.

Vật chứng: Cơ quan điều tra tạm giữ và xử lý trả lại số tiền 3.000.000 đồng cho người bị hại.

Hiện còn tạm giữ: 01 USB hiệu Paraday màu đen không có chứa dữ liệu.

01 ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy A02S; 01 sim điện thoại hiệu Mobiphone có số điện thoại 0702399479 chuyển giao Cơ quan THADS huyện A bảo quản.

Về dân sự: Bị cáo N.H.N.T đã tác động gia đình khắc phục trả lại số tiền 1.000.000 đồng đã cưỡng đoạt và số tiền 15.000.000 đồng đã mượn trước đó của bị hại. Bị hại không có yêu cầu gì khác.

*Tại bản cáo trạng số: 39/CT-VKS, ngày 24.9.2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo N.H.N.T về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 BLHS.*

Tại phiên Tòa, đại diện VKSND huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo N.H.N.T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 170 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 của BLHS để xử phạt bị cáo N.H.N.T với mức án từ 06 tháng tù đến 10 tháng tù. Đề nghị HĐXX xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo N.H.N.T đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2] Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý để kết luận: N.H.N.T quen biết và có quan hệ yêu đương với N.T.T. Trong thời gian này, bị cáo nhiều lần mượn chị N.T.T số tiền 15.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo tiếp tục nhắn tin hỏi mượn tiền nhưng chị N.T.T không cho mượn nên bị cáo đã sử dụng các đoạn video và hình ảnh nhạy cảm do chị N.T.T tự quay lúc tắm gửi qua mạng xã hội Zalo cho N.H.N.T để nhắn tin hăm dọa chị N.T.T phải đưa tiền nếu không sẽ phát tán các đoạn video và hình ảnh nhạy cảm đó lên mạng xã hội để mọi người xem. Do lo sợ bị phát tán, chị N.T.T đã đưa 1.000.000 đồng cho bị cáo vào ngày 23.6.2021 và ngày 26.6.2021 khi N.H.N.T trực tiếp nhận 3.000.000 đồng của chị N.T.T thì bị Công an huyện A bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi mà bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại Điều 170 BLHS.

[3] Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo N.H.N.T về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo N.H.N.T phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 nên cần xét xử bị

cáo với mức án nghiêm minh để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng:

Bị cáo N.H.N.T phạm tội có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo khai báo thành khẩn tỏ ý ăn năn hối cải thừa nhận hành vi phạm tội; sau khi vụ án xảy ra, bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại; là những tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, xét thấy bị cáo phạm tội nhưng giá trị chiếm đoạt không lớn; nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; do đó, áp dụng Điều 54 BLHS để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà VKS đã truy tố cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe và tạo cơ hội cho bị cáo thấy được tính nhân đạo của pháp luật mà cố gắng học tập cải tạo sửa chữa sai lầm.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định trên nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[5.1]. Về trách nhiệm dân sự: sau khi vụ án xảy ra, bị cáo N.H.N.T đã khắc phục hậu quả cho người bị hại số tiền 1.000.000 đồng chiếm đoạt và 15.000.000 đồng tiền bị cáo mượn của chị N.T.T; Người bị hại không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[5.2]. Về xử lý vật chứng: 01 ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy A02S; 01 sim điện thoại hiệu Mobiphone có số điện thoại 0702399479 (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng đã mô tả kèm theo hồ sơ vụ án) hiện đang tạm giữ tại Chi cục THADS huyện A và 01 USB hiệu Paraday không chứa dữ liệu, HĐXX xét thấy các vật chứng này là công cụ phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng; nên tịch thu, tiêu hủy.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 buộc bị cáo phải chịu án phí HSST.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố: Bị cáo N.H.N.T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.
2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo N.H.N.T **06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 26.6.2021.
3. Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:
  - 3.1. Trách nhiệm dân sự: Không.

**3.2. Xử lý vật chứng:** áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy: 01 USB hiệu Paraday; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung Galaxy A02S; 01 sim điện thoại hiệu Mobiphone có số điện thoại 0702399479 (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng mô tả kèm theo hồ sơ vụ án).

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo N.H.N.T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

**5. Quyền kháng cáo đối với bản án:** Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Riêng đương sự vắng mặt thời hạn là 15 ngày tính từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A(02b);
- Cơ quan CSĐT CA huyện A;
- Phòng hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS H.A;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**P. L. L**